

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Ung Bướu có nhu cầu tiếp nhận báo giá (Mẫu đính kèm) để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm theo máy dùng cho khoa Giải phẫu bệnh tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2025 – 2026** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ:

- Cơ sở 1: Số 3 Nơ Trang Long, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 2: Số 12 Đường 400, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Nguyễn Thị Bảo Sơn
- Chức vụ: Nhân viên – Phòng Vật tư, thiết bị y tế
- Số điện thoại: 0909 59 89 57
- Địa chỉ email: phongvttb.bvub@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư, thiết bị y tế – Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ: Số 3 Nơ Trang Long, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đồng thời, nhà cung cấp gửi file excel báo giá, file PDF báo giá kèm các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế qua email: phongvttb.bvub@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 23 tháng 7 năm 2025 đến trước 17h ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 120 ngày**, kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế (xem Danh mục đính kèm)

Lưu ý:

- Nhà cung cấp có thể báo giá một phần hoặc nhiều phần của gói thầu.
- Mặt hàng báo giá bắt buộc không phải là RUO (Research Use Only)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Ung Bướu

- Cơ sở 1: Số 3 Nơ Trang Long, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 2: Số 12 Đường 400, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV/2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng
- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nghiệm thu. ✓

Trân trọng./.



GIÁM ĐỐC

Diệp Bảo Tuấn

✓



Danh mục Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm theo máy dùng cho khoa Giải phẫu bệnh tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2025 - 2026

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1	Hóa chất sử dụng cho Kính hiển vi Olympus BX63 và Máy lai huỳnh quang tại chỗ Dako Hybridizer			
1.1	Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy biến tính và lai AND cho mục tiêu BCL2		150	Test
1.2	Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy biến tính và lai AND cho mục tiêu BCL6		150	Test
1.3	Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy biến tính và lai AND cho mục tiêu C-MYC		150	Test
1.4	Dung dịch pha loãng hóa chất lai (LSI/WCP Hybridization Buffer) dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH		4.500	μl
1.5	Hóa chất lai huỳnh quang Vysis phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen EWSR1 dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
1.6	Hóa chất lai huỳnh quang Vysis phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen FOXO1 dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
1.7	Hóa chất lai huỳnh quang Vysis phát hiện tổ hợp gen CDKN2A/CEP 9 dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
1.8	Hóa chất lai 2 màu huỳnh quang Vysis phát hiện tổ hợp gen lai IGH/CCND1 XT dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
1.9	Hóa chất lai 2 màu huỳnh quang Vysis phát hiện chuyển đoạn liên quan đến tổ hợp gen LSI BCR/ABL ES dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test

✓

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1.10	Hóa chất lai huỳnh quang Vysis phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen ALK dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
1.11	Hóa chất lai huỳnh quang Vysis phát hiện tổ hợp gen MDM2/CEP 12 dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
1.12	Hóa chất lai 2 màu huỳnh quang Vysis phát hiện tổ hợp gen IGH/MAF dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
1.13	Hóa chất lai huỳnh quang Vysis phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen LSI SS18 dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
1.14	Hóa chất lai huỳnh quang Vysis phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen LSI FUS dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
1.15	Hóa chất lai huỳnh quang Vysis phát hiện chuyển đoạn liên quan đến vùng gen DDIT3 dùng trong kỹ thuật lai huỳnh quang tại chỗ FISH.		30	Test
2	Hóa chất sử dụng cho Máy lai huỳnh quang tại chỗ Dako Hybridizer			
2.1	Hóa chất lai huỳnh quang dùng để xét nghiệm xác định gen HER2 màu đỏ bằng kỹ thuật FISH, sử dụng trên Máy lai huỳnh quang tại chỗ Dako Hybridizer		1.500	Test
3	Vật tư sử dụng cho Máy in chữ số lên tiêu bản Signature Slide Printer			
3.1	Đầu in tiêu bản, sử dụng cho Máy in chữ số lên tiêu bản Signature Slide Printer		9	Bộ
3.2	Mực in tiêu bản, sử dụng cho Máy in chữ số lên tiêu bản Signature Slide Printer		270	Cuộn
3.3	Tiêu bản, có vùng sơn màu 20 mm, loại thủy tinh, sử dụng cho Máy in chữ số lên tiêu bản Signature Slide Printer		777.000	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
4	Vật tư sử dụng cho Máy in chữ số lên cassette Signature Cassette Printer			
4.1	Đầu in cassette, sử dụng cho Máy in chữ số lên cassette Signature Cassette Printer		9	Bộ
4.2	Mực in cassette, sử dụng cho Máy in chữ số lên cassette Signature Cassette Printer		270	Cuộn
4.3	Cassette, sử dụng cho Máy in chữ số lên cassette Signature Cassette Printer		900.000	Cái
5	Hóa chất, vật tư sử dụng cho Hệ thống nhuộm tiêu bản và dán iamen tự động hoàn toàn Dako Coverstainer			
5.1	Hóa chất nhuộm H&E, sử dụng cho Hệ thống nhuộm tiêu bản và dán iamen tự động hoàn toàn Dako Coverstainer		810.000	Test
5.2	Keo dán tiêu bản, sử dụng cho Hệ thống nhuộm tiêu bản và dán iamen tự động hoàn toàn Dako Coverstainer		22.500	mL
5.3	Giá gắn tiêu bản nhuộm H&E, sử dụng cho Hệ thống nhuộm tiêu bản và dán iamen tự động hoàn toàn Dako Coverstainer		150	cái
6	Hóa chất, vật tư sử dụng cho Hệ thống dán tiêu bản tự động Dako Coverslipper			
6.1	Keo dán tiêu bản, sử dụng cho Hệ thống dán tiêu bản tự động Dako Coverslipper		22.500	mL
6.2	Giò gắn tiêu bản, sử dụng cho Hệ thống dán tiêu bản tự động Dako Coverslipper		300	cái
7	Hóa chất, vật tư sử dụng cho Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis			
7.1	Hóa chất hiển thị độ nhạy cao sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		108.000	Test
7.2	Hóa chất dung dịch Hematoxylin, áp suất hóa hơi 2.3 kPa sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		108.000	Test

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
7.3	Axit Sulfuric 0.3M sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		27.000	mL
7.4	Dây tube (dài ống) trộn hóa chất, gồm 10 giềng dùng để pha DAB+ và cơ chất với nhau, sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		600	Cái
7.5	Chai đựng mẫu thử chuyên dụng, loại 30 mL, dùng một lần, sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		550	Chai
7.6	Hóa chất hiển thị độ nhạy cao tín hiệu màu đỏ tươi sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		1.800	Test
7.7	Lam kính chuyên dụng dùng trong hóa mô miễn dịch, kích thước 75x25x1mm $\pm 1\%$, bo góc, sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		120.000	Cái
7.8	Đệm rửa (Wash buffer) 20X, sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		126.000	mL
7.9	Dung dịch pha loãng kháng thể (Diluent) sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		7.500	mL
7.10	Kháng thể chuột dùng khuếch đại tín hiệu, sử dụng trên Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động và lai tại chỗ tự động hoàn toàn Dako Omnis		22.500	Test
7.11	Hóa chất xét nghiệm PD-L1 (22C3) bằng hóa mô miễn dịch, dạng pha sẵn		900	Test
7.12	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Actin (Smooth Muscle) dòng 1A4 dạng pha sẵn		900	Test

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
7.13	Kháng thể đơn dòng chuột kháng B-Cell-Specific Activator Protein dòng DAK-Pax5 dạng pha sẵn		270	Test
7.14	Kháng thể đơn dòng chuột kháng BCL2 Oncoprotein dòng 124 dạng pha sẵn		720	Test
7.15	Kháng thể đơn dòng chuột kháng BCL6 Protein dòng PG-B6p dạng pha sẵn		720	Test
7.16	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Beta-Catenin dòng β -Catenin-1 dạng pha sẵn		180	Test
7.17	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CA 125 dòng M11 dạng pha sẵn		90	Test
7.18	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Caldesmon dòng h-CD dạng pha sẵn		900	Test
7.19	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Calretinin dòng DAK-Calret 1 dạng pha sẵn		720	Test
7.20	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Carcinoembryonic Antigen (CEA) dòng Il-7 dạng pha sẵn		720	Test
7.21	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD1a dòng O10 dạng pha sẵn		360	Test
7.22	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD2 dòng AB75 dạng pha sẵn		450	Test
7.23	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD4 dòng 4B12 dạng pha sẵn		450	Test
7.24	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD5 dòng 4C7 dạng pha sẵn		1.350	Test
7.25	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD7 dòng CBC.37 dạng pha sẵn		450	Test
7.26	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD8 dòng C8/144B dạng pha sẵn		450	Test
7.27	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD10 dòng DAK-CD10 dạng pha sẵn		1.350	Test
7.28	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD15 dòng Carb-3 dạng pha sẵn		360	Test

✓

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
7.29	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD20cy dòng L26 dạng pha sẵn		1.350	Test
7.30	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD21 dòng 1F8 dạng pha sẵn		180	Test
7.31	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD23 dòng DAK-CD23 dạng pha sẵn		450	Test
7.32	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD30 dòng Ber-H2 dạng pha sẵn		450	Test
7.33	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD31, Endothelial Cell dòng JC70A dạng pha sẵn		360	Test
7.34	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD34 Class II dòng QBEnd 10 dạng pha sẵn		720	Test
7.35	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD43 dòng DF-T1 dạng pha sẵn		450	Test
7.36	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD45, Leucocyte Common Antigen dòng 2B11 + PD7/26 dạng pha sẵn		720	Test
7.37	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD56 dòng 123C3 dạng pha sẵn		450	Test
7.38	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD57 dòng TB01 dạng pha sẵn		180	Test
7.39	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD68 dòng KP1 dạng pha sẵn		180	Test
7.40	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD68 dòng PG-M1 dạng pha sẵn		360	Test
7.41	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD79 α dòng JCB117 dạng pha sẵn		630	Test
7.42	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD99, MIC2 Gene Products, Ewing's Sarcoma Marker dòng 12E7 dạng pha sẵn		360	Test
7.43	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD138 dòng MI15 dạng pha sẵn		270	Test
7.44	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD246, ALK Protein dòng ALK1 dạng pha sẵn		180	Test

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
7.45	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CD246, ALK Protein dòng OT11A4 dạng pha sẵn		180	Test
7.46	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CDX2 dòng DAK-CDX2 dạng pha sẵn		540	Test
7.47	Kháng thể đơn dòng thỏ kháng Cyclin D1 dòng EP12 dạng pha sẵn		900	Test
7.48	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Cytokeratin dòng AE1/AE3 dạng pha sẵn		900	Test
7.49	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Cytokeratin 5/6 dòng D5/16 B4 dạng pha sẵn		900	Test
7.50	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Cytokeratin 7 dòng OV-TL 12/30 dạng pha sẵn		900	Test
7.51	Kháng thể đơn dòng thỏ kháng Cytokeratin 8/18 dòng EP17/EP30 dạng pha sẵn		270	Test
7.52	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Cytokeratin 17 dòng E3 dạng pha sẵn		360	Test
7.53	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Cytokeratin 18 dòng DC 10 dạng pha sẵn		180	Test
7.54	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Cytokeratin 19 dòng RCK108 dạng pha sẵn		180	Test
7.55	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Cytokeratin 20 dòng Ks20.8 dạng pha sẵn		900	Test
7.56	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Desmin dòng D33 dạng pha sẵn		450	Test
7.57	Kháng thể đơn dòng chuột kháng E-Cadherin dòng NCH-38 dạng pha sẵn		450	Test
7.58	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Epithelial Membrane Antigen (EMA) dòng E29 dạng pha sẵn		720	Test
7.59	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Epstein-Barr Virus, LMP dòng CS.1-4 dạng pha sẵn		180	Test
7.60	Kháng thể đơn dòng thỏ kháng ERG (Ets-Related Gene) dòng EP111 dạng pha sẵn		540	Test
7.61	Kháng thể đơn dòng thỏ kháng Estrogen Receptor α dòng EP1 dạng pha sẵn		3.600	Test

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
7.62	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Gross Cystic Disease Fluid Protein-15 dòng 23A3 dạng pha sẵn		360	Test
7.63	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Hepatocyte dòng OCH1E5 dạng pha sẵn		720	Test
7.64	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Inhibin α dòng R1 dạng pha sẵn		450	Test
7.65	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Ki-67 Antigen dòng MIB-1 dạng pha sẵn		7.200	Test
7.66	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Mammaglobin dòng 304-1A5 dạng pha sẵn		450	Test
7.67	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Melan-A dòng A103 dạng pha sẵn		540	Test
7.68	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Melanosome dòng HMB-45 dạng pha sẵn		540	Test
7.69	Kháng thể đơn dòng chuột kháng MUC2 dòng CCP58 dạng pha sẵn		360	Test
7.70	Kháng thể đơn dòng chuột kháng MUC5AC dòng CLH2 dạng pha sẵn		360	Test
7.71	Kháng thể đơn dòng chuột kháng MUM1 Protein dòng MUM1p dạng pha sẵn		3.600	Test
7.72	Kháng thể đơn dòng chuột kháng MutL Protein Homolog 1 (MLH1) dòng ES05 dạng pha sẵn		720	Test
7.73	Kháng thể đơn dòng chuột kháng MutS Protein Homolog 2 (MSH2) dòng FE11 dạng pha sẵn		720	Test
7.74	Kháng thể đơn dòng chó kháng MutS Protein Homolog 6 (MSH6) dòng EP49 dạng pha sẵn		720	Test
7.75	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Myogenin dòng F5D dạng pha sẵn		450	Test
7.76	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Myosin Heavy Chain (Smooth Muscle) dòng SMMS-1 dạng pha sẵn		270	Test

STT	Đanh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
7.77	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Neuron-Specific Enolase (NSE) dòng BBS/NC/VI-H14 dạng pha sẵn		450	Test
7.78	Kháng thể đơn dòng chuột kháng OCT3/4 dòng N1NK dạng pha sẵn		180	Test
7.79	Kháng thể đơn dòng thỏ kháng p40 dòng DAK-p40 dạng pha sẵn		900	Test
7.80	Kháng thể đơn dòng chuột kháng p53 Protein dòng DO-7 dạng pha sẵn		900	Test
7.81	Kháng thể đơn dòng chuột kháng p63 Protcin dòng DAK-p63 dạng pha sẵn		3.600	Test
7.82	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Placental Alkaline Phosphatase dòng 8A9 dạng pha sẵn		360	Test
7.83	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Podoplanin dòng D2-40 dạng pha sẵn		360	Test
7.84	Kháng thể đơn dòng thỏ kháng Postmeiotic Segregation Increased 2 (PMS2) dòng EP51 dạng pha sẵn		450	Test
7.85	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Progesterone Receptor dòng PgR 636 dạng pha sẵn		1.800	Test
7.86	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Progesterone Receptor dòng PgR 1294 dạng pha sẵn		2.700	Test
7.87	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Prostate-Specific Membrane Antigen (PSMA) dòng 3E6 dạng pha sẵn		180	Test
7.88	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Renal Cell Carcinoma Marker dòng SPM314 dạng pha sẵn		360	Test
7.89	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Synaptophysin dòng DAK-SYNAP dạng pha sẵn		1.800	Test

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
7.90	Kháng thể đơn dòng thô kháng Terminal Deoxynucleotidyl Transferase (TdT) dòng EP266 dạng pha sẵn		720	Test
7.91	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Thyroid Transcription Factor (TTF-1) dòng 8G7G3/1 dạng pha sẵn		1.800	Test
7.92	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Villin dòng 1D2 C3 dạng pha sẵn		90	Test
7.93	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Vimentin dòng V9 dạng pha sẵn		720	Test
7.94	Kháng thể đơn dòng chuột kháng Wilms' Tumor 1 (WT1) Protein dòng 6F-H2 dạng pha sẵn		720	Test
7.95	Kháng thể đa dòng kháng Alpha-1-Fetoprotein dạng pha sẵn		360	Test
7.96	Kháng thể đa dòng kháng Calcitonin dạng pha sẵn		180	Test
7.97	Kháng thể đa dòng kháng CD3 dạng pha sẵn		810	Test
7.98	Kháng thể đa dòng kháng Chorionic Gonadotropin (hCG) dạng pha sẵn		180	Test
7.99	Kháng thể đa dòng kháng Glial Fibrillary Acidic Protein (GFAP) dạng pha sẵn		630	Test
7.100	Kháng thể đa dòng kháng Herpes Simplex Virus Type 1 dạng pha sẵn		90	Test
7.101	Kháng thể đa dòng kháng Myeloperoxidase dạng pha sẵn		360	Test
7.102	Kháng thể đa dòng kháng S100 dạng pha sẵn		990	Test
7.103	Kháng thể đa dòng kháng Thyroglobulin dạng pha sẵn		360	Test
7.104	Kháng thể đa dòng kháng Von Willebrand Factor dạng pha sẵn		180	Test